Hempathane HS 55610

Đặc tính sản phẩm

Mô tả sản phẩm
Hempathane HS 55610 là sơn phủ polyurethane bóng, lưu hóa bằng isocyanate béo. Sản phẩm có độ bóng và giữ màu tốt và chứa phốt phát kẽm.

Tuân thủ Chỉ thị EU 2004/42/EC, Chỉ thị Sơn về giới hạn của các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi: phân loại phụ j.

Khuyến cáo sử dụng
Hempathane HS 55610 được khuyên dùng làm sơn hoàn thiện có lớp sơn dày và nhẹ, tuân thủ VOC để bảo vệ thép kết cấu trong môi trường có tính ăn mòn cao. Sản phẩm có thể được chỉ định làm hệ thống sơn "trực tiếp trên kim loại" trong môi trường loại C2 và C3. Sản phẩm cũng có thể được sơn trực tiếp lên thép mạ kẽm.

Nhiệt độ sử dụng
- Tối đa, chỉ trong môi trường khô: 120°C [248°F].

Chứng nhận / Phê duyệt
- Loại EC đã kiểm tra là vật liệu cháy chậm khi sử dụng như một phần của hệ thống sơn được xác định trước. Vui lòng tham khảo “Tuyên bố Phù hợp” ở hempel.com để biết thêm chi tiết.
- Các màu sau đây được pha chế bằng các sắc tố dẫn điện đặc biệt, giúp thiết kế hệ thống sơn đáp ứng các yêu cầu trong ISO 80079-36:2016 Môi trường dễ cháy nổ (ATEX): 95000

Tính năng
- Đối với môi trường không khí có tính ăn mòn cao.
- Trực tiếp trên kim loại trong môi trường C2 và C3.
- Độ bóng cao và giữ màu tốt.
- Thể tích sơn khô cao và tuân thủ VOC.
- Nhiệt độ tối thiểu để sơn lưu hóa là -10°C [14°F].

An toàn sản phẩm

Điểm chớp cháy 31°C [88°F]

Hàm lượng VOC sản phẩm trộn

Cơ sở pháp lý	Giá trị	5% pha loãng, theo thể tích	Giá trị giới hạn, giai đoạn II (2010)[a]
EU	343 g/L [2,86 lb/US gal]	366 g/L [3,05 lb/US gal]	500 g/L [4,17 lb/US gal]
Hoa Kỳ (sơn phủ)	320 g/L [2,67 lb/US gal]	-	-
Hoa Kỳ (định kỳ)	343 g/L [2,86 lb/US gal]		
Trung Quốc	343 g/L [2,86 lb/US gal]		
Canada	343 g/L [2,86 lb/US gal]	-	-
Hồng Kông	320 g/L [2,67 lb/US gal]		
Hàn Quốc	343 g/L [2,86 lb/US gal]	-	-

Theo quy tắc cụ thể, xem chi tiết trong phần Chú giải trên trang web của Hempel (hempel.com) hoặc trang web Hempel dành cho địa phương của bạn. Giá trị VOC có thể thay đổi theo loại sơn bóng, vui lòng tham khảo Bảng dữ liệu an toàn, phần 9. [a]Chỉ thị 2004/42/CE của EU. Theo EPA Method 24.

Đưa vào sử dụng
Xử lý thận trọng. Trước và trong khi sử dụng, tuân thủ nhãn an toàn trên bao bì và thùng chứa sơn và tuân theo tất cả các quy định an toàn tại địa phương và quốc gia. Luôn tham khảo Bảng dữ liệu an toàn của Hempel cho sản phẩm này cùng với Bảng thông số sản phẩm.

Chỉ sử dụng ở môi trường chuyên nghiệp.

Hempathane HS 55610

Dữ liệu sản phẩm

Mã sản phẩm
55610

Thành phần có trong sản phẩm
Phần A 55619
Chất đóng rắn 97050

Màu tiêu chuẩn* / mã màu
Trắng 10000 **

Độ bóng
Độ bóng

Hàm lượng chất rắn theo thể tích
67 ± 2%

Trọng lượng riêng
1,4 kg/L [12 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu
80 micron [3,1 mils]

Màu nhôm / mã màu
Xám ánh kim 19002

Độ bóng
Vui lòng tham khảo Hướng dẫn của Hempel về sơn có chất tạo màu chứa nhôm

Thể tích sơn khô
58 ± 2%

Trọng lượng riêng
1,1 kg/L [10 lb/US gal]

Độ dày lớp sơn khô tham chiếu
80 micron [3,1 mils]

Xử lý bề mặt

Độ sạch
- Loại bỏ dầu, mỡ và các chất bẩn khác bằng chất tẩy rửa thích hợp.
- Loại bỏ muối, chất tẩy rửa, chất bẩn và sinh vật biển bám trên tàu bằng nước áp lực cao.

Đóng mới:
- Mài bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu Sa 2½ (ISO 8501-1) / SP 10 (SSPC).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

Bảo trì và Sửa chữa
- Mài bề mặt bằng ma sát tới tối thiểu Sa 2 (ISO 8501-1) / SP 6 (SSPC).
- Đối với diện tích nhỏ, hãy làm sạch bằng tay hoặc dụng cụ điện thay vì vật liệu mài.
- Phun tia nước tới mức Wa 2½ (ISO 8501-4).
- Độ gỉ sét loang tối đa FR M (ISO 8501-4).
- Loại bỏ bụi, vật liệu mài và các vật rời.

Độ nhám
- Hình thức bề mặt Trung bình (S) (ISO 8503-2)

Tham khảo Hướng dẫn Xử lý Bề mặt riêng của Hempel để biết thêm chi tiết.

Thi công sơn

Tỉ lệ pha trộn
Phần A 55619 : Chất đóng rắn 97050
(7 : 1 theo thể tích)

Khuấy đều trước khi sử dụng.

Dung môi pha loãng
Hempel's Thinner 08080

Chất làm sạch
Hempel's Thinner 08080

* Có nhiều màu sắc khác nhau trong hệ thống Hempel's Multi-Tint®.
** Độ ổn định màu có thể bị ảnh hưởng khi tiếp xúc với hóa chất mạnh và/hoặc nhiệt độ cao.

Hempathane HS 55610

Thời gian sống sau khi trộn

Nhiệt độ sản phẩm	10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]
Thời gian sống sau khi trộn	3½ giờ	2 giờ	1 giờ

Phương pháp sơn

Công cụ	Pha loãng thể tích tối đa	Thông số ứng dụng
Phun sơn không dùng khí nén	5%	Áp lực tại đầu béc phun: 175 bar [2500 psi] Cỡ béc phun: 0.017-0.021"

Nếu sử dụng cọ quét hoặc con lăn, sẽ cần sơn nhiều lớp để đạt được độ dày sau khi khô quy định. Không bao giờ pha loãng sơn hơn mức cho phép theo pháp luật môi trường địa phương. Dữ liệu máy phun mang tính biểu thị và có thể bị điều chỉnh. Áp suất cho nhiệt độ vật liệu 20°C [68°F].

Độ dày lớp sơn

Dải thông số kỹ thuật	Thấp	Cao	Khuyên dùng
Độ dày màng sơn khô	50 micron [2,0 mils]	125 micron [4,9 mils]	80 micron [3,1 mils]
Độ dày màng sơn ướt	75 micron [3,0 mils]	190 micron [7,5 mils]	120 micron [4,7 mils]
Định mức phủ lý thuyết	13 m²/L [530 sq ft/US gal]	5,3 m²/L [220 sq ft/US gal]	8,3 m²/L [340 sq ft/US gal]

Để có hiệu quả tốt nhất, hãy tránh sơn lớp sơn quá dày.

Điều kiện thi công sơn

- Để tránh ngưng tụ, sơn trên bề mặt sạch và khô với nhiệt độ tối thiểu bằng 3°C [5°F] trên điểm đọng sương.
- Nhiệt độ bề mặt phải trên -10°C [14°F] trong thời gian sơn và lưu hóa.
- Cẩn thận với băng đóng trên bề mặt ở nhiệt độ thấp.
- Màng sơn có thể bị ảnh hưởng xấu do mưa nhẹ, độ ẩm cao và/hoặc ngưng đọng trong khi sơn và thời gian sau khi sơn: “8 giờ, 20°C/68°F”.
- Đặc tính phun sơn tối ưu đạt được ở nhiệt độ sơn 15-30°C [59-86°F]. Ngoài khoảng nhiệt độ này, có thể cần pha loãng.

Độ ẩm tương đối:

- Độ ẩm tương đối phải dưới 85% trong thời gian lưu hóa.
- Độ ẩm tương đối phải dưới 85% trong thời gian sơn.

Thời gian khô và lớp phủ kế

Sản phẩm tương thích

- Lớp sơn trước: Theo Thông số kỹ thuật của Hempel. Các sản phẩm khuyên dùng là: Hempaprime Multi 500 45950/3, Hempadur Quattro series, Hempadur Avantguard series.
- Lớp sơn kế: Không có.

Thời gian khô sơn

Nhiệt độ bề mặt		10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]
Khô sờ được	phút	120	90	60
Khô bề mặt	giờ	11	3½	2
Khô cứng	giờ	12	5	3
Khô/đóng rắn hoàn toàn	ngày	-	7	-

Được xác định cho độ dày màng sơn bằng 80 micron [3.1 mils] ở điều kiện tiêu chuẩn, xem phần Chú giải của Hempel để biết thêm chi tiết.

Lớp phủ

Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi hướng dẫn trong bảng sơn phủ

Tên phẩm chất		-10°C [14°F]	10°C [50°F]	20°C [68°F]	30°C [86°F]
Khô khí quyển, trung bình					
Hempathane HS 55610	Tối thiểu	30 giờ	9 giờ	6 giờ	3 giờ
	Tối đa	Mở rộng*	Mở rộng	Mở rộng	Mở rộng

Sản phẩm có cùng tính chất hóa học sẽ cho biết số lần sơn phủ.
Tham khảo thông số kỹ thuật của Hempel để biết thêm thông tin.

Điều kiện khô sơn

- Để đạt được thời gian khô sơn như đã nêu, quan trọng là phải duy trì đủ thông gió trong quá trình sơn, chờ khô và đóng rắn.
- Nên tránh ngưng đọng ở lớp sơn vừa mới phủ lên.

Chi tiết về công tác sơn lại

- Bề mặt phải khô và sạch sẽ trước khi sơn.

Các lưu ý khác

- Thông số kỹ thuật của Hempel được ưu tiên áp dụng hơn mọi khuyến nghị được đưa ra trong Bảng dữ liệu sản phẩm.

Hempathane HS 55610

Lưu trữ

Hạn dùng

Nhiệt độ môi trường	**25°C** [77°F]
Phần A	36 tháng
Chất đóng rắn	24 tháng

Thời hạn sử dụng khi bảo quản trên kệ tính từ ngày sản xuất, khi bảo quản trong bao bì gốc, chưa mở. Sau thời hạn đó, phải kiểm tra lại chất lượng sản phẩm. Bảo quản ở nhiệt độ cao có thể làm giảm thời hạn sử dụng. Vui lòng tham khảo Hempel để được tư vấn.

Điều kiện bảo quản

- Sản phẩm phải được bảo quản theo quy định pháp luật tại địa phương, tối đa 40°C [104°F], không tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời và tránh mưa và tuyết.
- Chất lưu hóa nhạy cảm với độ ẩm. Để ở nơi khô ráo và đóng chặt lọ sơn cho đến khi sử dụng.

Khí thải carbon

Độ dày màng sơn khô	**1 µm**	**1 mil**
GWP (Tiềm ẩn Nóng lên Toàn cầu)	8,7 g CO_2e/m^2	0,045 lb CO_2e/ft^2

Lượng khí thải carbon dành cho 1 mét vuông / foot vuông diện tích bề mặt với độ dày màng sơn khô là 1 micron / mil.

Phạm vi này bao gồm nguyên liệu thô, vận chuyển nội địa đến nhà máy Hempel, quy trình sản xuất của Hempel và bất kỳ Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi nào phát ra trong quá trình sơn và quá trình đóng rắn sau khi sơn sản phẩm.

Giá trị được tính toán dựa trên màu sắc tiêu chuẩn được xác định trong PDS này. Giá trị có thể sẽ thay đổi theo màu sắc.

Tài liệu bổ sung

Có các thông tin khác trên trang web của Hempel (https://www.hempel.com/service-and-support/technical-guidelines) hoặc trang web Hempel ở địa phương của bạn:

- Chú giải cho Bảng dữ liệu sản phẩm.
- Phương pháp sơn.
- Xử lý bề mặt.
- Hướng dẫn sơn cho sản phẩm này.
- Sơn phủ nhôm có màu.

Bảng dữ liệu sản phẩm này (“**PDS**”) có liên quan đến sản phẩm được cung cấp (“**Sản phẩm**”) và có thể được cập nhật liên tục. Theo đó, người mua/người áp dụng chỉ nên xem bảng PDS được cung cấp cùng với lô Sản phẩm có liên quan (không phải của phiên bản trước đó). Ngoài PDS, người mua/người áp dụng có thể nhận được một số hoặc tất cả các thông số kỹ thuật, báo cáo và/hoặc hướng dẫn được liệt kê dưới đây hoặc có sẵn từ trang web của Hempel trong mục ‘Sản phẩm’ tại www.hempel.com (“**Tài liệu bổ sung**”):

No.	Mô tả tài liệu	Địa điểm/ý kiến
1.	Báo cáo kỹ thuật	Tư vấn cụ thể một lần được cung cấp theo yêu cầu cho các dự án cụ thể
2.	Thông số kỹ thuật	Chỉ phát hành cho các dự án cụ thể
3.	PDS	Tài liệu này
4.	Chú giải Bảng dữ liệu sản phẩm	Đăng trên www.hempel.com và có thông tin liên quan về các thông số kiểm tra Sản phẩm
5.	Hướng dẫn thi công	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com
6.	Hướng dẫn kỹ thuật chung (ví dụ: cho thi công sơn và chuẩn bị bề mặt)	Nếu có sẵn, tại www.hempel.com

Trong trường hợp có xung đột thông tin giữa PDS và Tài liệu bổ sung, thứ tự ưu tiên của thông tin sẽ theo thứ tự như quy định ở trên. Trong trường hợp như vậy, bạn cũng nên liên hệ với đại diện của mình tại Hempel để làm rõ. Hơn nữa, người mua/người áp dụng phải tuân thủ đầy đủ Bảng Dữ liệu An toàn được cung cấp cho mỗi Sản phẩm và cũng có thể được tải xuống từwww.hempel.com.

Hempel sẽ không chịu trách nhiệm về khuyết tật Sản phẩm nếu Sản phẩm không được sử dụng theo các khuyến nghị và yêu cầu được nêu trong PDS có liên quan và Tài liệu bổ sung. Thông tin và các điều khoản miễn trừ trách nhiệm này áp dụng cho PDS này, Tài liệu bổ sung và bất kỳ loại tài liệu khác của Hempel liên quan đến Sản phẩm. Ngoài ra, Sản phẩm và tất cả các hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp đều tuân theo Điều kiện Bán hàng, Giao hàng và Dịch vụ chung của Hempel, trừ khi được thỏa thuận rõ ràng khác bằng văn bản.